

BẢNG LƯƠNG THÁNG 06/2023 BAO GỒM PC TNG (MỨC LƯƠNG 1.490.000Đ)

STT	MNV	MNV	HỌ VÀ TÊN	LOẠI NGẠCH	HỆ SỐ			THÀNH TIỀN			TRUY LÃNH			TRUY LÃNH			CHỈ CHỨ
					Lương	PC TNG	Pháp chế	Lương	PC TNG	Pháp chế	Lương	PC TNG	PC khác	PC TNG	PC khác	PCUB	CHỈ CHỨ
					157,04	2,04	3,30	4,09									
1	BC1	RT	LƯU THỊ KIM THUY	AI	V.07.04.11	9	4,980	0,55	7.420.200	0,22	233.964.385	3.842.382	-	28.244.521	-	72.877.674	314.696.115
2	BC0	GV	NGUYỄN XUÂN HÒA	AI	V.07.04.32	9	4,980	0,097	7.420.200	0,35	7.420.200	1.038.838	-	1.812.734	-	2.471.910	11.468.840
3	BC0	GV	TRẦN TRỌNG HUÂN	AI	V.07.04.11	9	4,980	0,55	7.420.200	0,33	7.420.200	816.222	-	2.718.019	-	2.470.927	12.275.152
4	BC1	GV	TRẦN THỊ XUÂN DUYÊN	AI	V.07.04.11	9	4,980	0,30	7.420.200	0,25	7.420.200	445.212	-	1.966.333	-	2.399.624	11.199.064
5	BC1	GV	NGUYỄN NGỌC NGÀ	AI	V.07.04.11	9	4,980	0,249	7.420.200	0,27	7.420.200	371.010	-	2.103.627	-	2.337.363	11.193.242
6	BC1	GV	ĐIÀNG TIỀN KIEU NGÂN	AI	V.07.04.11	9	4,980	0,249	7.420.200	0,27	7.420.200	371.010	-	2.103.627	-	2.337.363	11.193.242
7	BC1	GV	BÙI THỊ KIM OANH	AI	V.07.04.11	9	4,980		7.420.200	0,23	7.420.200	-	-	1.706.644	-	2.236.066	10.394.587
8	BC0	GV	NGUYỄN DUY SƠN	AI	V.07.04.11	8	4,650	0,20	6.928.500	0,22	6.928.500	-	298.000	1.589.830	-	2.167.590	10.054.546
9	BC1	GV	TRẦN THỊ THANH THUY	AI	V.07.04.11	6	3,990	0,20	5.943.100	0,15	5.943.100	-	298.000	936.465	-	1.872.930	8.298.641
10	BC0	GV	HÒA NAM	AI	V.07.04.11	6	3,990	0,20	5.943.100	0,14	5.943.100	-	298.000	874.034	-	1.872.930	8.298.641
11	BC0	GV	NGUYỄN VĂN TIỆP	AI	V.07.04.11	4	3,660	0,20	5.453.400	0,13	5.453.400	-	298.000	747.682	-	1.725.620	7.542.098
12	BC0	GV	CHU CÔNG CƯỜNG	AI	V.07.04.11	5	3,660		5.453.400	0,13	5.453.400	-	-	708.942	-	1.636.020	7.151.317
13	BC0	GV	ĐINH DUY TÂM	AI	V.07.04.032	4	3,660		5.453.400	0,13	5.453.400	-	-	708.942	-	1.636.020	7.151.317
14	BC1	GV	TRẦN THỊ HỒNG TRANG	AI	V.07.04.11	4	3,660	0,45	5.453.400	0,12	5.453.400	-	670.500	734.868	-	1.837.170	7.975.767
15	BC1	GV	NGUYỄN THỊ THUY CHÈ	AI	V.07.04.11	4	3,330	0,20	4.961.700	0,10	4.961.700	-	298.000	525.970	-	1.577.910	6.756.084
16	BC1	GV	NGUYỄN NGỌC THẢO LOAN	AI	V.07.04.11	4	3,330		4.961.700	0,10	4.961.700	-	-	496.170	-	1.488.510	6.373.303
17	BC0	GV	LÊ QUỐC TRĂNG	AI	V.07.04.11	3	3,000		4.470.000	0,07	4.470.000	-	-	312.900	-	1.341.000	5.621.695
18	BC0	GV	NGÔ QUANG VIỆT	AI	V.07.04.11	3	3,000		4.470.000	0,06	4.470.000	-	-	268.200	-	1.341.000	5.581.689
19	BC1	GV	HOÀNG THỊ THANH THUY	A0	V.07.04.12	6	3,650		5.431.500	0,16	5.431.500	-	-	870.140	-	1.631.550	7.277.800
20	BC0	GV	ĐƯƠNG QUỐC TOÀN	AI	V.07.04.032	5	3,660	0,15	5.453.400		5.453.400	-	223.500	794.764	-	1.700.070	7.495.211
21	BC1	GV	TRƯƠNG NGỌC BÍCH VÂN	AI	V.07.04.032	5	3,660		5.453.400	0,12	5.453.400	-	-	654.408	-	1.636.020	7.102.508
22	BC1	GV	ĐÀO THỊ HUIE	A0	V.07.04.12	3	2,770	0,15	4.052.800		4.052.800	-	223.500	-	-	1.282.890	5.110.178
23	BC1	GV	ĐÀNG THỊ MINH	AI	V.07.04.032	2	2,670	0,20	3.978.300	0,08	3.978.300	-	298.000	342.104	-	1.282.890	5.416.302
24	BC1	GV	HÀ THỊ THOM	AI	V.07.04.032	2	2,670		3.978.300		3.978.300	-	-	-	-	1.193.490	4.754.008
25	BC1	GV	NGUYỄN THỊ LAN CHÈ	AI	V.07.04.032	2	2,670		3.978.300		3.978.300	-	-	-	-	1.193.490	4.754.008
26	BC1	GV	TRẦN THỊ HOA MY	AI	V.07.04.032	2	2,670		3.978.300		3.978.300	-	-	-	-	1.193.490	4.754.008
27	BC1	GV	ĐOÀN THỊ BÌNH	AI	V.07.04.032	2	2,670		3.978.300		3.978.300	-	-	-	-	1.193.490	4.754.008
28	BC1	GV	BÙI THỊ THẢO	AI	V.07.04.032	2	2,670		3.978.300		3.978.300	-	-	-	-	1.193.490	4.754.008
29	BC1	GV	TRẦN THỊ BẢO NHƯ	A0	V.07.04.12	2	2,610		3.590.900		3.590.900	-	-	-	-	1.077.270	4.291.125
30	BC0	GV	PHẠM DINH NGUYỄN	AI	V.07.04.032	2	2,670		3.978.300		3.978.300	-	-	-	-	1.193.490	4.754.008
31	BC1	GV	NGUYỄN THỊ BÈN	AI	V.07.04.032	2			-		-	-	-	-	-	1.260.540	1.260.540

TỔ phó - Ngày làm ra từ tháng 06/2023

